

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trong hầu hết phiên giao dịch với thanh khoản tiếp tục giảm nhưng vẫn ở mức cao trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu chứng khoán và dầu khí

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, diễn biến trái chiều với thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HVN, IDC

[Cập nhật công ty]

VPB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập

05/8/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,252.74	-0.11
VN30	1,272.06	-0.44
HĐTL VN30F1M	1,264.50	+0.56
HNXIndex	299.90	+0.73
HNX30	552.13	+1.09
UPCoM	91.32	+0.51
USD/VND	23,397	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.59	+2
Lãi suất qua đêm (%)	4.18	+38
Dầu (WTI, \$)	88.64	+0.11
Vàng (LME, \$)	1,787.29	-0.22



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,252.74 (-0.11%)
KLGD (triệu CP) 698.6 (+13.9%)
GTGD (triệu US\$) 665.2 (-8.5%)

HNXIndex 299.90 (+0.73%)
KLGD (triệu CP) 91.9 (-1.8%)
GTGD (triệu US\$) 71.3 (-2.6%)

UPCoM 91.32 (+0.51%)
KLGD (triệu CP) 82.6 (+73.6%)
GTGD (triệu US\$) 37.1 (+16.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -13.1

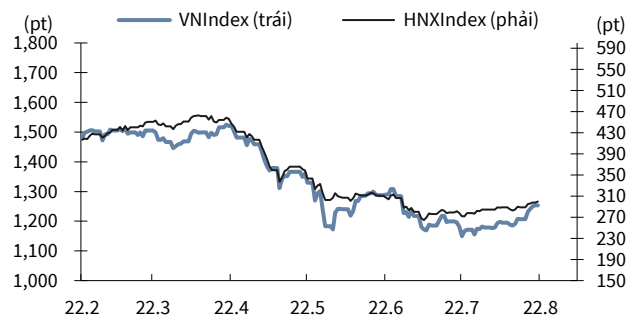
TTCK Việt Nam giảm điểm trong hầu hết phiên giao dịch với thanh khoản tiếp tục giảm nhưng vẫn ở mức cao trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu chứng khoán và dầu khí. Khối ngoại quay trở lại bán ròng ở HPG (-1.5%), AGG (-1.3%), MSN (-3.2%).

Theo dữ liệu từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), tổng tài khoản giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam tại ngày 31/7/2022 là gần 6.4 triệu tài khoản, tăng hơn 2 triệu tài khoản so với thời điểm đầu năm. Cổ phiếu nhóm chứng khoán tăng giá trước thông tin trên ở SSI (+5.3%), VND (+3.8%).

Bộ Kinh tế Mexico đã khởi xướng điều tra chống bán phá giá với thép cán nguội nhập khẩu từ Việt Nam khiến cổ phiếu thép giảm giá ở HPG (-1.5%).

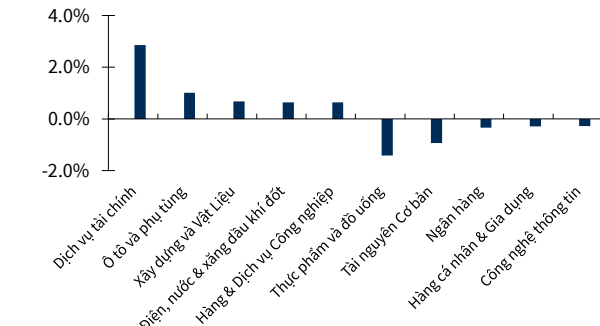
Nhu cầu và giá cả yếu đối với giấy bao bì và tồn kho cao tại các nhà máy Trung Quốc khiến nhiều nhà máy lớn của Trung Quốc thông báo phải giảm hiệu suất chạy máy và ngừng hoạt động từ tháng 7-9 và giá OCC thế giới tiếp tục giảm khiến cổ phiếu nhóm bao bì giảm giá ở DHC (-1.4%).

VNIndex & HNXIndex



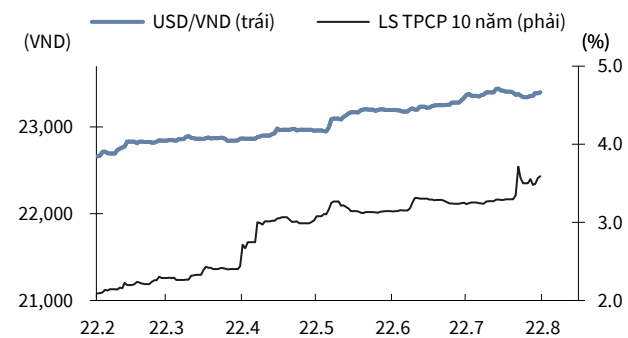
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

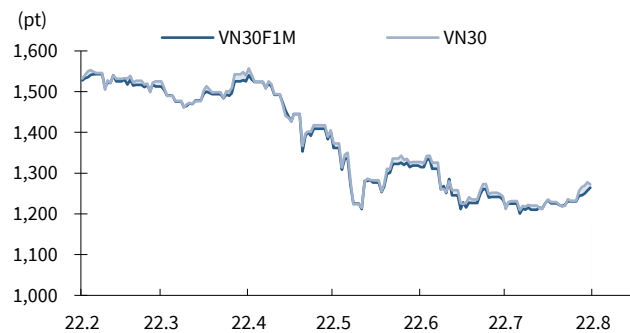
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,272.06 (-0.44%)
VN30F1M	1,264.5 (+0.56%)
Mở cửa	1,259.0
Cao nhất	1,264.5
Thấp nhất	1,254.7

Các HĐTL tăng điểm, diễn biến trái chiều với thị trường cơ sở. Chênh lệch F2208 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức thấp nhất ngày ở mức -20.33 điểm, sau đó biến động thu hẹp dần nhưng vẫn duy trì ở mức âm quanh 14.8 điểm suốt phiên và đóng cửa ở mức thấp nhất ngày ở mức -7.6 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục giảm.

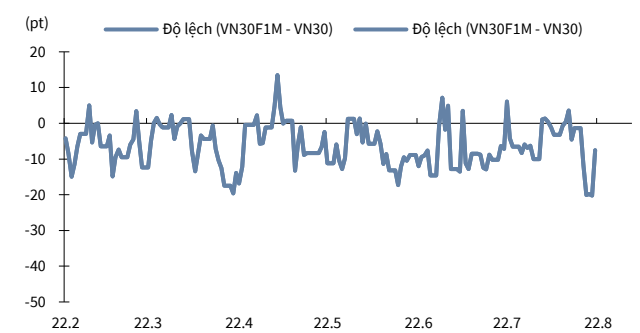
KLGD (HĐ)	177,438 (-9.1%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



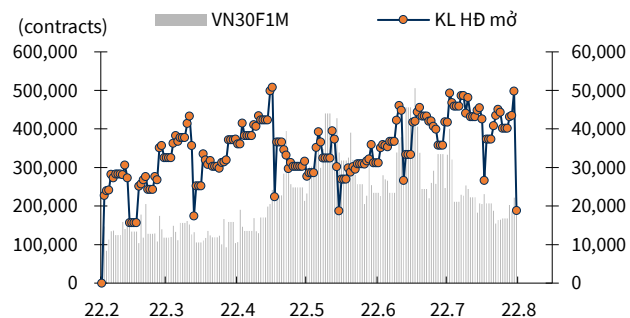
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



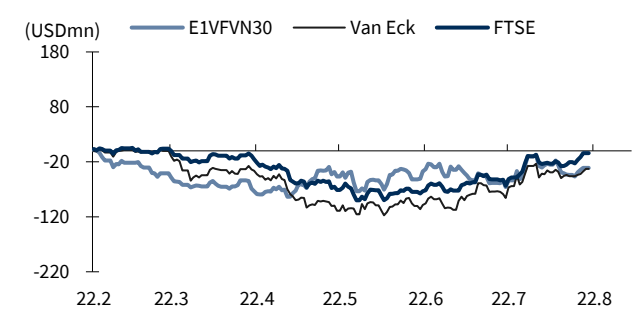
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

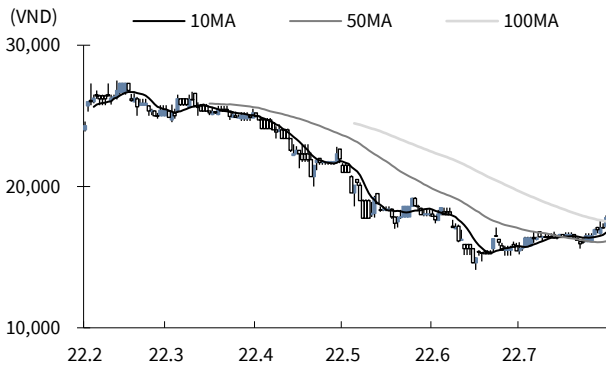
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (HVN)

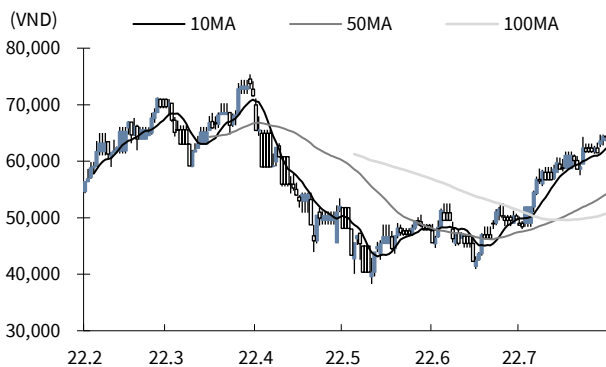


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HVN tăng 4.09% lên 17,800 VND/cp

- Vietnam Airlines công bố BCTC hợp nhất quý II với lợi nhuận âm 2,570 tỷ đồng, cải thiện so với mức lỗ 4,451 tỷ đồng cùng kỳ và doanh thu 18,300 tỷ đồng, gấp 2.8 lần cùng kỳ. Theo đó, do lỗ lũy kế tính đến cuối quý II ghi nhận mức 28,921 tỷ đồng, hãng hàng không bị âm vốn chủ sở hữu 4,914 tỷ đồng.

Tổng công ty IDICO - CTCP (IDC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- IDC giảm 0.16% xuống 64,300 VND/cp

- Idico ghi nhận 1,467 tỷ đồng lợi nhuận Q2/2022, gấp 4.6 lần so với quý II/2021 với doanh thu 3,307 tỷ đồng, gấp 2.6 lần so với cùng kỳ 2021. Kết quả kinh doanh khả quan do ghi nhận doanh thu từ các dự án khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 mở rộng và Hậu Thạnh.

4/8/2022

2Q2022, LNTT đạt 4,177 tỷ VND, giảm 17% YoY

2Q2022, thu nhập lãi thuần đạt 10,466 tỷ VND (+5.8% QoQ, +13.4% YoY); Thu nhập ngoài lãi đạt 2,821 tỷ VND (-66.3% QoQ, +0.2% YoY). Chi phí trích lập dự phòng lên mức cao nhất, đạt 5,586 tỷ VND (+35.2% QoQ, +33% YoY) khiến LNTT 2Q2022 đạt 4,177 tỷ VND (-62.5% QoQ, -17% YoY). Lũy kế 6 tháng đầu năm, LNTT đạt 15,323 tỷ VND, tăng 69.6% YoY.

Tăng trưởng tín dụng 2Q2022 đạt 13.6% YTD

Tăng trưởng tín dụng 2Q2022 tiếp tục được đẩy mạnh tăng 29.0% YoY và 13.6% YTD. Hoạt động tín dụng của VPB tiếp tục tập trung vào khối Bán lẻ & SME với tỷ trọng nhóm này đạt 61.1% trên tổng dư nợ tín dụng của NH mẹ trong 2Q2022, tăng 4.2% điểm YoY.

Tỷ lệ nợ xấu đạt 5.25% tăng 42 bps QoQ, với nợ nhóm 5 tăng 74bps QoQ

Tỷ lệ nợ xấu 2Q2022 đạt 5.25%, tăng 42bps QoQ, chủ yếu tăng ở nợ nhóm 5 (+74bps QoQ). Trong kì, VPB trích lập dự phòng 5,586 tỷ VND (+35.2% QoQ, +33.0% YoY); Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của 62.0%, giảm 162bps QoQ.

VPB kì vọng hoàn thành kế hoạch phát hành cho cổ đông chiến lược trong năm 2022

Tiến độ phát hành riêng lẻ 1.19 tỷ cổ phiếu tương đương 15% vốn điều lệ cho nhà đầu tư nước ngoài bị chậm hơn dự kiến do các diễn biến tiêu cực trong nước cũng như quốc tế. VPB vẫn kì vọng có thể hoàn thành thương vụ này trong năm 2022.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 43,600 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VPB. Giá mục tiêu là 43,600 VND/cp, cao hơn 48.3% so với giá tại ngày 4/8/2022.

Mua

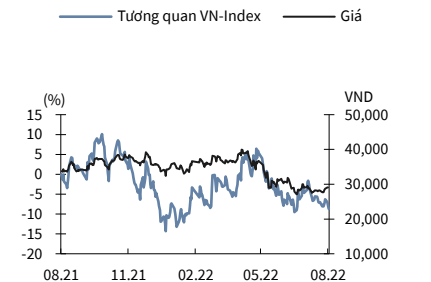
Giá mục tiêu	VND 43,600
Tăng/Giảm	48.3%
Giá hiện tại (4/8/2022)	VND 29,400
Giá mục tiêu thị trường	VND 45,390
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	129,785

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	88.7
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	332/14.1
Sở hữu nước ngoài (%)	17.38
Cơ cấu cổ đông	Composite Capital Master Fund LP (5.0%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	0	0	-21	-14
Tương đối	-7	-7	-4	-9

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	32,346	34,349	44,329	57,346
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	27,641	33,583	46,233	53,016
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	10,414	11,808	21,546	24,095
EPS (VNĐ)	4,116	2,621	3,195	3,573
Tăng trưởng EPS (%)	26%	-36%	22%	12%
PER (x)	7.1	11.2	9.2	8.2
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	20,867	19,187	16,388	20,228
PBR (x)	1.41	1.53	1.79	1.45
ROE (%)	21.9%	16.7%	22.6%	21.0%

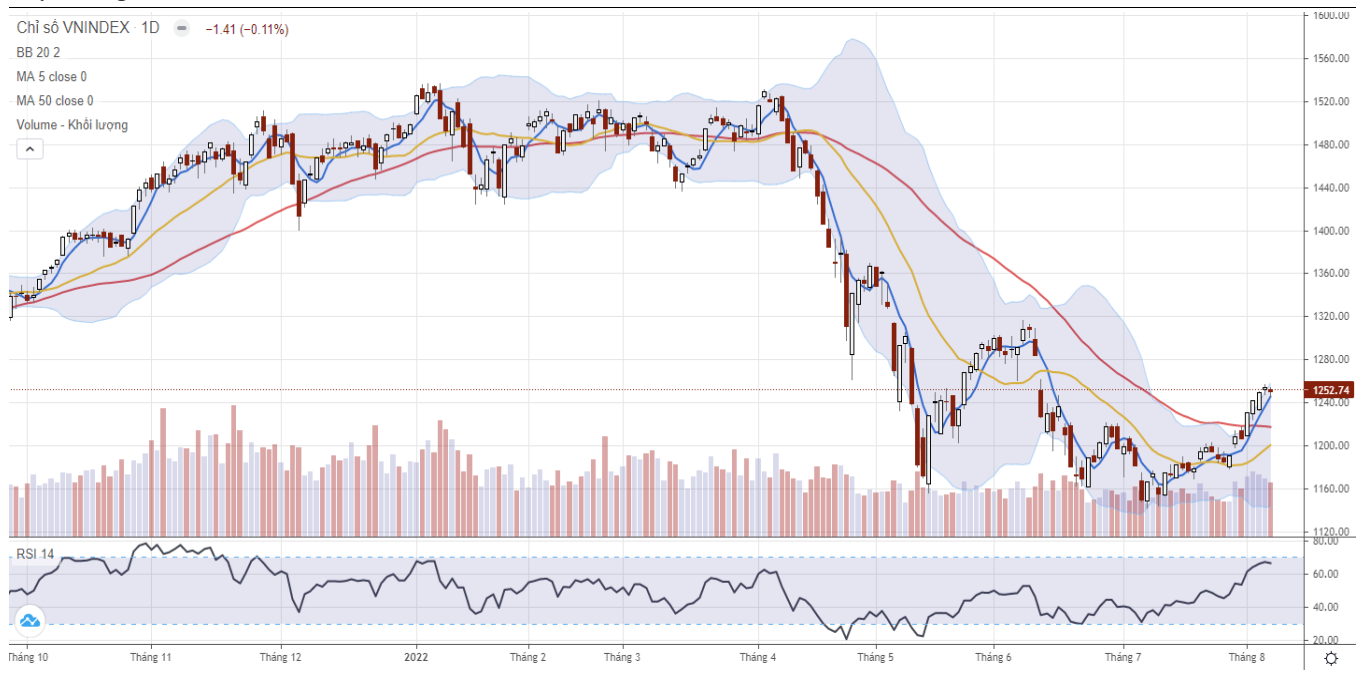


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



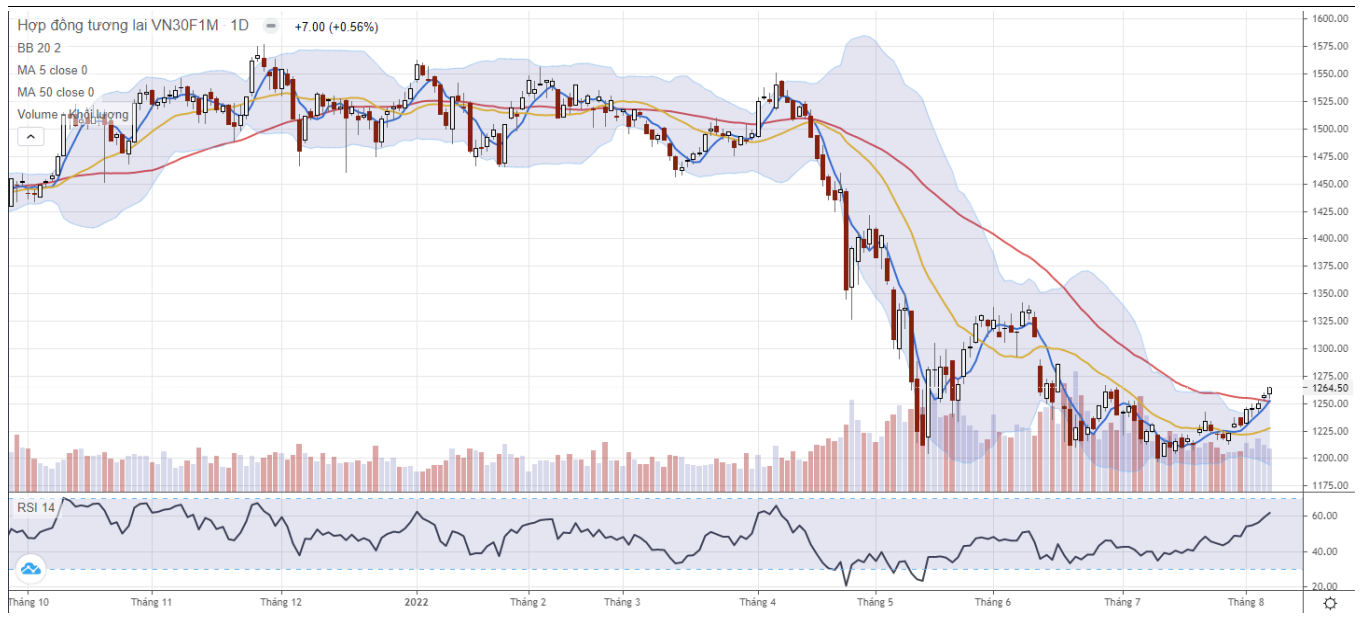
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp giảm điểm giảm co trong phiên trước khi hồi phục và lấy lại phần lớn điểm số đã mất về cuối phiên.
- Áp lực chốt lời gia tăng đã khiến cho chỉ số tiếp tục phản ứng rung lắc với vùng kháng cự gần quanh 1260. Mặc dù vậy, cơ hội mở rộng đà tăng điểm và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 1280 trong ngắn hạn vẫn được duy trì với vùng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 1240.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1276 - 1279

Kháng cự gần: 1268 - 1270

Hỗ trợ gần: 1254 - 1257

Hỗ trợ xa: 1240 - 1244

- F1 trải qua một nhịp giảm điểm giảm co đầu phiên trước khi hồi phục và mở rộng biên độ tăng điểm về cuối phiên.
- Sự tiết giảm của bên bán cùng lực cầu có phần chiếm ưu thế đã giúp cho F1 mở rộng đà tăng điểm tích cực và chớm phá ngưỡng cản gần quanh 1260. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, cơ hội mở rộng đà tăng điểm và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 127x trong ngắn hạn vẫn được duy trì với vùng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 1240.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG tại các vùng hỗ trợ và mở SHORT tại các ngưỡng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế Long đã mở và chỉ chốt lời từng phần tại các vùng kháng cự

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

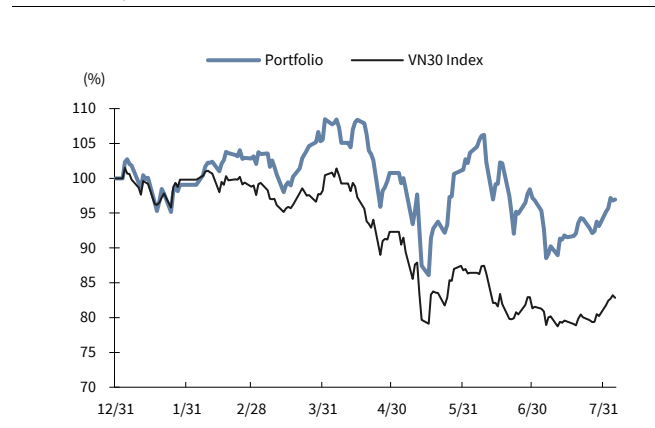
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.44%	0.16%
Tăng lũy kế (YTD)	-17.17%	-3.03%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 05/08/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	62,700	0.0%	62.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	24,500	0.8%	-14.0%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	114,900	-0.9%	49.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	187,000	-0.5%	-2.6%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	81,000	1.3%	174.0%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	85,800	-0.3%	253.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	29,000	0.5%	53.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	109,500	0.5%	49.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,300	-1.5%	109.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	38,500	1.9%	274.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SSI	5.3%	24.2%	151.7
E1VFN30	-0.6%	91.3%	69.5
NVL	3.1%	5.7%	45.5
FUESSVFL	1.0%	94.9%	25.3
VRE	-0.2%	32.0%	22.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-1.5%	20.4%	-487.1
AGG	-0.1%	9.9%	-185.9
MSN	-3.2%	28.9%	-74.6
VJC	-2.1%	16.8%	-23.9
VNM	-1.0%	54.7%	-50.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	0.0%	4.4%	3.1
SHS	2.1%	6.8%	2.2
IDC	-0.2%	2.0%	1.0
PVG	2.9%	1.7%	0.2
TA9	5.3%	15.2%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	2.5%	8.8%	-8.5
DP3	-0.3%	0.9%	-0.3
VNF	2.2%	0.3%	-0.1
API	0.3%	0.1%	-0.1
IVS	4.9%	71.9%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	9.9%	SSI, VND
Tài nguyên Cơ bản	8.4%	HPG, HSG
Ngân hàng	4.5%	VCB, CTG
Bất động sản	4.2%	NVL, VHM
Hóa chất	3.9%	GVR, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-1.0%	IMP, DHG
Thực phẩm và đồ uống	0.6%	MSN, KDC
Bảo hiểm	1.7%	BIC, PGI
Ô tô và phụ tùng	1.9%	SVC, TMT
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.0%	PGV, DRL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	15.3%	SSI, VND
Xây dựng và Vật Liệu	15.0%	VGC, VCG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	10.5%	GAS, POW
Hóa chất	10.0%	GVR, DPM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.8%	GEX, REE

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	-1.6%	MWG, FRT
Y tế	3.1%	TRA, DBD
Du lịch và Giải trí	3.5%	VJC, HOT
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.6%	PNJ, GDT
Công nghệ thông tin	4.1%	SGT, ST8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	86,770 (3.7)	22.5	272.5	105.7	14.7	8.4	2.3	2.4	2.4	-1.5	2.2	-9.5	-31.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	151,913 (6.5)	26.6	8.6	7.2	35.9	22.4	21.9	1.8	1.5	-1.9	3.2	2.1	-24.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	44,843 (1.9)	17.8	29.3	19.1	-7.6	8.1	10.3	2.0	1.9	-0.2	3.4	3.6	-3.8
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	135,649 (5.8)	31.3	28.9	22.8	6.7	15.1	16.4	3.9	3.4	3.1	8.6	10.1	-11.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	31,665 (1.4)	11.6	20.5	16.7	13.7	12.9	17.2	2.4	2.1	-0.8	3.2	9.9	-16.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	219,176 (9.4)	13.9	14.6	14.4	-	13.5	11.6	1.7	1.6	2.4	10.3	36.8	-21.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	81,522 (3.5)	6.3	14.4	12.1	11.7	21.3	21.8	2.8	2.4	-0.6	9.8	10.8	4.1
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	69,867 (3.0)	12.7	14.8	11.8	-5.3	15.5	17.2	2.1	1.7	-0.8	4.6	7.4	5.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	160,890 (6.9)	0.0	6.2	5.3	14.3	20.8	19.8	1.2	1.0	0.0	1.3	1.7	-23.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	118,098 (5.1)	1.4	7.6	6.3	50.3	18.3	20.5	1.2	1.1	0.5	6.6	7.4	-14.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	282,772 (12.1)	0.0	7.1	6.8	18.8	20.3	17.0	1.3	1.1	-0.2	2.3	-0.5	-18.0
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	191,523 (8.2)	0.0	6.6	5.4	14.6	23.8	22.7	1.3	1.1	0.0	5.1	5.9	-6.7
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	37,271 (1.6)	4.2	6.9	5.7	23.3	22.9	22.3	1.4	1.1	-0.8	2.3	-0.2	-19.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	364,348 (15.6)	14.0	12.7	11.5	26.5	11.6	14.9	1.3	1.1	0.2	2.2	9.5	-19.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	52,488 (2.2)	0.0	12.5	7.0	37.4	22.3	21.0	1.4	1.2	0.0	8.3	4.7	-29.8
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	5,793 (0.2)	0.2	-	-	27.3	12.6	11.9	-	-	-0.5	1.3	-6.5	-9.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	70,112 (3.0)	21.0	18.4	15.1	15.8	9.0	11.9	1.9	1.7	0.7	1.7	11.4	5.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,754 (0.2)	14.2	14.3	11.6	9.1	13.0	15.2	1.6	1.5	0.2	3.7	1.6	-33.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	442,583 (18.9)	55.4	9.0	8.4	-3.2	19.3	16.4	1.4	1.2	5.3	16.2	25.9	-49.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	188,214 (8.0)	71.9	9.9	9.5	-4.0	24.7	20.6	2.1	1.9	4.2	12.2	25.2	-37.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	194,519 (8.3)	52.4	9.8	9.5	-19.0	18.2	15.9	1.5	1.4	0.9	6.1	20.2	-39.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	450,924 (19.3)	27.2	9.5	8.0	36.3	25.7	24.3	2.2	1.8	3.8	15.2	18.3	-33.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	125,865 (5.4)	42.1	16.8	15.5	4.0	28.3	29.3	4.4	4.2	-1.0	-0.3	-0.7	-16.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	23,065 (1.0)	36.9	27.4	22.9	7.3	20.0	21.3	5.0	4.4	-1.3	1.4	21.1	20.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	82,772 (3.5)	16.5	24.4	19.4	-51.9	17.4	19.2	3.8	3.3	-3.2	-1.5	2.5	-26.7
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	92,572 (4.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.1	5.5	29.2	-44.1	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	63,989 (2.7)	11.0	52.7	18.5	-88.5	8.9	21.6	-	-	-2.1	0.6	0.5	-1.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	58,054 (2.5)	10.8	19.0	15.4	-57.0	12.1	13.5	2.2	2.0	0.6	3.8	5.6	9.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	99,258 (4.2)	38.4	7.4	36.3	65.7	14.1	2.6	1.0	1.0	2.4	6.5	28.3	-54.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	15,495 (0.7)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-1.8	-3.1	-	-79.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	193,558 (8.3)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	1.5	2.4	18.3	-42.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	50,880 (2.2)	3.6	62.4	16.8	-52.4	1.1	3.4	0.6	0.6	-0.8	4.8	14.5	-42.3
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	75,521 (3.2)	0.0	12.2	11.1	-4.5	16.0	14.2	1.8	1.8	1.3	7.7	2.4	34.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	71,571 (3.1)	46.1	15.2	15.4	-17.5	24.2	22.0	3.6	3.3	0.5	1.9	6.3	13.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	33,133 (1.4)	31.4	12.3	11.2	-10.5	15.5	15.4	1.7	1.7	0.2	1.2	13.4	0.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,010 (0.0)	34.1	21.4	9.5	-5.1	5.9	12.5	-	-	0.0	0.9	0.9	-26.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	549,353 (23.5)	18.0	5.0	5.0	21.9	28.6	22.1	1.1	0.9	-1.5	8.4	6.4	-34.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	135,091 (5.8)	36.5	4.6	7.5	-0.5	32.3	19.2	1.4	1.3	0.0	6.5	2.5	-5.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	113,722 (4.9)	46.5	6.1	8.8	-4.5	35.7	20.6	1.8	1.6	0.0	10.6	14.1	-11.7
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	141,656 (6.1)	38.9	4.3	4.9	67.9	23.1	15.8	0.8	0.7	3.0	20.9	19.2	-45.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	57,824 (2.5)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.0	2.4	11.6	-37.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	27,136 (1.2)	4.6	19.4	15.9	-51.0	11.0	12.4	2.0	1.9	-1.1	1.3	3.7	-22.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	89,957 (3.8)	39.9	45.0	15.8	-11.9	1.5	4.4	0.7	0.7	6.8	10.0	11.7	-25.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	37,328 (1.6)	35.9	8.2	7.4	2.2	14.4	15.2	1.2	1.1	2.7	11.1	3.7	-12.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	186,598 (8.0)	0.0	13.8	11.0	14.4	25.7	25.8	3.1	2.5	0.0	2.8	-4.3	-7.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	62,436 (2.7)	0.0	17.1	13.9	2.4	23.7	23.2	3.2	2.7	-0.9	0.8	-3.1	19.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,839 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.0	1.6	8.5	-2.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	101,526 (4.3)	30.3	16.1	14.0	-75.2	30.0	27.0	4.3	3.4	1.1	4.2	-6.3	12.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	35,280 (1.5)	34.6	9.6	12.3	41.2	32.6	22.8	2.7	2.5	1.0	4.2	13.1	-2.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	836 (0.0)	45.4	14.3	13.2	10.7	21.6	21.0	2.8	2.5	0.1	-0.9	3.2	-19.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	133,757 (5.7)	0.0	17.9	14.7	15.5	26.8	28.3	4.5	3.9	-0.3	2.8	0.5	10.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng
huynd@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.